TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/DS -ST
Ngày: 19 - 7 - 2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự hụi, họ, biêu, phường"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Bền.

2. Ông Huỳnh Văn Thái.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Phước Đức - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 132/2018/TLST - DS, ngày 20 tháng 8 năm 2018 về việc "tranh chấp hợp đồng dân sự hụi, họ, biêu, phường" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐST-DS, ngày 18 tháng 6 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm: 1957 và bà Trần Thị T, sinh năm: 1962 ; cùng địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện G, tỉnh K; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Th (tên thường gọi là P) sinh năm: 1974; địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện G, tỉnh K; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/8/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/4/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Phạm Văn Đ và bà Trần Thị T trình bày:

Vào năm 2016 ông, bà có làm chủ hụi trong đó có bà Nguyễn Thị P tham gia hai đầu gồm hai chân. Bà P đã kêu khui cả hai đầu hụi nhưng không đóng lại hụi chết cho ông, bà.

Đầu hụi 500.000 đồng áp ngày 25/10/2016 (al) gồm có 35 người, 01 tháng xổ 01 lần, ngày mãn 25/9/2019 (al). Bà P tham gia 01 chân đóng hụi sống được 8 tháng số tiền là: 2.385.000 đồng, hốt ngày 25/6/2017 (al) số tiền hốt được là: 10.750.000 đồng, đóng hụi chết được 06 tháng là 3.000.000 đồng. Ngưng đóng ngày 25/12/2017 (al) đến thời điểm bây giờ 25/02/2019 không đóng cho ông, bà là 15 tháng với số tiền là 7.500.000đ.

Đầu hụi 500.000 đồng, ngày áp 15/02/2017 gồm có 43 người, 01 tháng xổ 01 lần, ngày mãn hụi ngày 15/01/2021. Bà P tham gia 01 chân đóng hụi sống được 05 lần số tiền 1.805.000 đồng, hốt ngày 15/7/2017 số tiền là 13.190.000 đồng, đóng hụi chết được 05 lần số tiền là 2.500.000 đồng. Ngưng đóng ngày 15/12/2017, tính đến thời điểm bây giờ 15/3/2019 (al) không đóng hụi chết cho ông, bà là 15 tháng số tiền là 8.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà P hốt hụi 02 lần là: 23.940.000, ông, bà đã giao đủ cho bà P số tiền hụi được lĩnh nhưng bà P không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng hụi chết. Nay ông, bà khởi kiện yêu cầu Tòa xem xét và giải quyết buộc bà P phải trả số tiền hụi chết chưa đóng của 02 chân hụi tổng tiền là: 15.500.000 đồng.

Tại tờ tường trình ngày 09/10/2018, bản tự khai ngày 23/4/2019, đơn phản tố ngày 28/6/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn là bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Bà xác định bà có chơi 02 chân hụi do ông Đ, bà T làm chủ hụi như ông Đ, bà T đã trình bày. Bà thống nhất ngày áp hụi, số hụi viên, số tiền hụi sống và hụi chết bà đã đóng, số tiền bà hốt hụi được như ông Đ, bà T trình bày. Cụ thể:

Đầu hụi đầu hụi 500.000 đồng áp ngày 25/10/2016 (al), bà đã đóng hụi sống là 2.385.000 đồng, hụi chết là 3.000.000 đồng, bà kêu hụi 220.000 đồng và hốt được số tiền là: 10.750.000 đồng. Bà đã ngưng đóng hụi chết từ ngày 25/12/2017 (al) cho đến nay, còn 20 lần hụi chết chưa đóng.

Đầu hụi 500.000 đồng, ngày áp 15/02/2017 (al) gồm có 43 người, bà đã đóng hụi sống là 1.805.000 đồng, hụi chết là 2.500.000 đồng, bà kêu hụi 210.000 đồng và hốt hụi được số tiền là 13.190.000 đồng. Bà đã ngưng đóng hụi chết từ ngày 15/12/2017 (al) cho đến nay, còn 32 lần hụi chết chưa đóng.

Tổng số tiền bà đã đóng là 9.690.000 đồng, tổng số tiền bà đã hốt hụi là 23.940.000 đồng. Nếu ông Đ, bà T đồng ý chấm dứt thỏa thuận chơi 02 đầu hụi nêu trên thì bà đồng ý trả lại số tiền vốn gốc bà đã nhận nhiều hơn số tiền bà đã đóng là 14.250.000 đồng và trả lãi theo quy định của pháp luật từ khi bà ngưng

đóng hụi cho đến ngày xét xử, bà sẽ trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Trường hợp ông Đ, bà T không đồng ý thì bà chỉ đồng ý trả lại số tiền bà chỉ đồng ý trả đầu hụi ngày 25/10/2016 (al) mỗi tháng là 280.000 đồng (bằng số tiền bà đã hốt) và trả đầu hụi ngày 15/02/2017 (al) mỗi tháng là 290.000 đồng (bằng số tiền bà đã hốt). Tính từ ngày bà ngưng đóng hụi đến nay là 09 tháng thì 02 chân hụi bà đồng ý đóng là 5.130.000 đồng chứ không đồng ý đóng 9.000.000 đồng. Bà không đồng ý đóng hụi chết do hụi của ông Đ, bà T đã bể hụi, không sổ hụi nữa. Những tháng còn lại bà cũng sẽ tiếp tục đóng một đầu là 280.000 đồng và một đầu là 290.000 đồng cho đến khi mãn hụi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Phạm Văn Đ, bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Th trả số tiền nợ hụi nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp "Hợp đồng dân sự hụi, họ, biêu, phường" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 (BLTTDS).

Bị đơn là bà Th có địa chỉ nơi cư trú tại Ấp V, xã V, huyện G, tỉnh K nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Trong quá trình giải quyết vụ án các Đ sự đều xác nhận hai bên có tham gia chơi các chân hụi như sau:

Đầu hụi thứ nhất 500.000 đồng áp ngày 25/10/2016 (al) gồm có 35 người, 01 tháng xổ 01 lần, ngày kết thúc dây hụi 25/9/2019 (al). Bà Th tham gia 01 chân đóng hụi sống được 8 tháng số tiền là 2.385.000 đồng, hốt ngày 25/6/2017 (al) số tiền hốt được là 10.750.000 đồng, đóng hụi chết được 06 tháng là 3.000.000 đồng. Bà Th đã ngưng đóng hụi chết từ ngày 25/12/2017 (al) cho đến nay, tổng cộng còn 20 lần hụi chết chưa đóng.

Đầu hụi 500.000 đồng, ngày áp 15/02/2017 gồm có 43 người, 01 tháng xổ 01 lần, ngày kết thúc dây hụi 15/01/2021. Bà Th tham gia 01 chân đóng hụi sống được 05 lần số tiền là 1.805.000 đồng, hốt ngày 15/7/2017 được số tiền là 13.190.000 đồng, đóng hụi chết được 05 lần số tiền là 2.500.000 đồng. Bà Th đã

ngưng đóng hụi chết từ ngày 15/12/2017 (al) cho đến nay, tổng cộng còn 32 lần chưa đóng.

Ông Đ, bà T khởi kiện yêu cầu bà Th đóng hụi chết đối với chân hụi áp ngày 25/10/2016 (al) tính từ ngày 25/12/2017 (al) đến ngày 25/02/2019 (al) với số tiền là 7.500.000 đồng (15 tháng) và đóng hụi chết đối với chân hụi áp ngày 25/10/2016 (al) tính từ ngày 15/12/2017 (al) đến 15/3/2019 (al) số tiền là 8.000.000 đồng (15 tháng). Tổng cộng tiền hụi chết 02 chân là 15.500.000 đồng. Bà Th cũng xác định số tiền hụi chưa đóng như ông Đ, bà T trình bày tuy nhiên bà không đồng ý đóng như yêu cầu của ông Đ, bà T do hụi của ông Đ, bà T đã bể hụi, không sổ hụi nữa. Bà yêu cầu hủy hợp đồng dân sự về hụi họ ngày 25/10/2016 (al) và ngày 15/02/2017 (al) giữa bà với ông Đ, bà T, bà sẽ trả lại ông Đ, bà T số tiền đã hốt hụi sau khi đã trừ số tiền đã đóng hụi là 14.250.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định về trách nhiệm của thành viên do không góp họ thì:

"1. Trong trường hợp thành viên không góp phần họ khi đến kỳ mở họ thì thành viên đó phải thanh toán đủ phần họ còn thiếu tương ứng với thời gian chưa thanh toán cho đến thời điểm kết thúc họ và bồi thường thiệt hại nếu có.

2. Trong trường hợp thành viên không góp phần họ, chủ họ đã góp các phần họ thay cho thành viên đó thì thành viên phải trả cho chủ họ các phần họ chậm trả và khoản lãi đối với các phần họ chậm trả. Mức lãi do các bên thoả thuận, nếu không có thoả thuận hoặc không thoả thuận được thì áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả các phần họ."

Xét thấy, bản chất của việc tham gia chơi hụi, họ, biêu, phường là việc thoả thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại nhằm mục đích tương trợ trong nhân dân. Do đó, mỗi lần góp hụi là nghĩa vụ của các thành viên còn lại góp tiền cho thành viên được khui hụi. Tại Biên bản về việc ngừng tham gia hụi ngày 18/12/2017 và Đơn xác nhận ngày 06/6/2019 do phía nguyên đơn cung cấp thể hiện các thành viên tham gia chơi các dây họ do ông Đ, bà T làm chủ hụi đồng ý ngưng chơi hụi và thống nhất giao cho chủ hụi có trách nhiệm gom tiền hụi chết của những thành viên đã hốt hụi giao lại cho thành viên chưa được hốt hụi theo hình thức bắt thăm hàng tháng. Tuy nhiên, việc thỏa thuận giữa ông Đ, bà T với những thành viên này không phù hợp với thỏa thuận chơi hụi như ban đầu các bên đã thỏa thuận. Phía bà Th cũng không đồng ý thỏa thuận này, việc ngưng sổ hụi và gom hụi như thỏa thuận ban đầu đã vi phạm những nghĩa vụ cơ bản của hợp đồng nên bà Th có yêu cầu phản tố hủy hợp đồng hụi, họ ngày 25/10/2016 (al) và ngày

15/02/2017 (al) giữa các Đ sự là có cơ sở nên được HĐXX chấp nhận. Bà Th thống nhất trả số tiền chênh lệch còn lại 14.250.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật nhưng cách thức trả 1.000.000 đồng/ tháng là chưa phù hợp.

Do đó, HĐXX tuyên bố hủy các hợp đồng hụi, họ, biêu, phường ngày 25/10/2016 (al) và ngày 15/02/2017 (al) vô hiệu.

Buộc bà Th phải thanh toán cho ông Đ, bà T số tiền gốc là 14.250.000 đồng và tiền lãi từ ngày 25/12/2017 (al) (nhầm ngày 10/02/2018 dl) đến ngày xét xử (19/7/2019) là 4.109.000 đồng. Tổng vốn và lãi là 18.359.000 đồng.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của BLTTDS, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà T không được chấp nhận và yêu cầu phản bố hủy hợp đồng của bà Th được chấp nhận nên đáng lẽ ông Đ, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng là 1.075.000 đồng. Tuy nhiên ông, bà là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên ông, bà được miễn toàn bộ số tiền án phí phải nộp theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả lại cho ông, bà số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007120 ngày 20/8/2018 và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001167 ngày 22/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền có trách nhiệm phải thanh toán cho ông Đ, bà T 18.359.000 đồng x 5% = 918.000 đồng (chín trăm mười tám nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ, bà Trần Thị T đối với bà Nguyễn Thị Th. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Th đối với ông Đ, bà T.

Hủy các hợp đồng hụi, họ, biêu, phường ngày 25/10/2016 (al) và ngày 15/02/2017 (al) giữa ông Đ, bà T và bà Th.

Buộc bà Th phải thanh toán cho ông Đ, bà T số tiền gốc là 14.250.000 đồng và tiền lãi từ ngày 25/12/2017 (al) (nhầm ngày 10/02/2018 dl) đến ngày xét xử (19/7/2019) là 4.109.000 đồng. Tổng vốn và lãi là 18.359.000 đồng (mười tám triệu ba trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS.

2. Án phí:

Yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà T không được chấp nhận và yêu cầu phản tố hủy hợp đồng của bà Th được chấp nhận nên đáng lẽ ông Đ, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng là 1.075.000 đồng. Tuy nhiên ông, bà là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên ông, bà được miễn toàn bộ số tiền án phí phải nộp theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả lại cho ông, bà số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007120 ngày 20/8/2018 và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001167 ngày 22/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền có trách nhiệm phải thanh toán cho ông Đ, bà T 18.359.000 đồng x 5% = 918.000 đồng (chín trăm mười tám nghìn đồng) nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006358 ngày 28/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Bà

Th còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 618.000 đồng (sáu trăm mười tám nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7. 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các Đ sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các Đ sự;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Lưu.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ